TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Cẩm Bình.
2. Ông Lê Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh An Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1987 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T1 (có mặt).
Địa chỉ: Số E H, phường R, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Chị Dương Thị Ý, sinh năm: 2001 (có đơn đề nghị vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/11/2024 của anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn và tại phiên tòa, bà Dương Thị T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Anh D và chị Ý kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang); vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình chung sống anh D, chị Ý không có con chung và chị Ý không có thai.

Anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với chị Ý; về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 15/5/2025, chị Dương Thị Ý là bị đơn trình bày:*

Chị và anh D tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; sau khi kết hôn chung sống với gia đình anh D tại ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn; cuối năm 2020, chị đi làm thuê sống ly thân với anh D cho đến nay, không còn quan tâm nhau.

Về con chung: Chị và anh D không có con chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, chị Ý có ý kiến như sau: Chị đồng ý ly hôn với anh D; về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc nên đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh D và chị Ý tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang), nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn; hai bên xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù có tự hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không đạt kết quả. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D thì chị Ý đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị Ý.

Về con chung: Anh D và chị Ý xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị Ý không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Dương Thị Ý, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị Ý là bị đơn cư trú tại ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp P, xã T, tỉnh An Giang). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Chị Dương Thị Ý có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Ý kết hôn năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang). Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Anh D và chị Ý xác định chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, anh D và chị Ý vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải, tạo điều kiện để hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không đạt kết quả do chị Ý có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn với anh D. Từ đó cho thấy tình cảm vợ, chồng của anh D và chị Ý đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh D yêu cầu ly hôn với chị Ý là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị Ý.

Về con chung: Anh D và chị Ý xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị Ý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008993 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Dương Thị Ý.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008993 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - An Giang); anh D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2025). Chị Dương Thị Ý có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh AG;
-VKSND KV5;
-THA tỉnh AG;
-Phòng THA KV5;
-UBND xã TH;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát